

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lâm T Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân

2. Ông Lê Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: bà Đàm Nguyên Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1984 (có đơn vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Phước L, xã Phước V, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* anh Huỳnh Trần D, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Phước L, xã Phước V, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Trần D chung sống và kết hôn năm 2011 tại UBND xã Phước Vinh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do anh D thường xuyên ghen tuông, sau khi 02 vợ chồng mâu thuẫn lời qua tiếng lại thì anh D đánh chị, anh D đã đánh chị 02 lần, nhưng vì chuyện gia đình nên chị không báo chính quyền. Hiện tại chị và anh D đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Trần T Ng, sinh ngày 06/9/2012 và Huỳnh Trần T Anh, sinh ngày 05/5/2019. Hai con có nguyện vọng sống cùng chị nên chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết, chị xác định vợ chồng không có nợ chung.

Anh Huỳnh Trần D không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự là nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T đối với anh D. Về con chung: giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh D không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Về tài

sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung xác định không có nên không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh Huỳnh Trần D không đến tòa án. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D. Riêng chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: anh chị tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Vinh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh năm 2011 nên hôn nhân giữa chị T và anh D là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Chị T trình bày vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, ghen tuông vô cớ, không tin tưởng nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh D nếu có phản đối yêu cầu của người khác đối với mình thì phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Tuy nhiên, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử anh D không đến Tòa án, không thể hiện ý kiến về việc chị T yêu cầu ly hôn. Do đó, xem như anh D không muốn níu kéo quan hệ hôn nhân với chị T, theo quy định Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ. Như vậy, xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: các con chung hiện đang sống với chị T và cũng có nguyện vọng sống với mẹ nên xét thấy cần giao con chung là Huỳnh Trần T Ng, sinh ngày 06/9/2012 và Huỳnh Trần T A, sinh ngày 05/5/2019 cho chị T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và

gia đình năm 2014. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: chị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Anh xác định vợ chồng không nợ ai.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Nguyễn Thị Hồng T đối với anh Huỳnh Trần D.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Huỳnh Trần D.

Về con chung: giao con chung là Huỳnh Trần T Ng, sinh ngày 06/9/2012 và Huỳnh Trần T A, sinh ngày 05/5/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: chị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết, anh trình bày vợ chồng không nợ ai.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017335 ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND h Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm T Liễu

